

Bản án số: 38/2026/HS-ST

Ngày: 20/01/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Lâm

Thẩm phán: Ông Bùi Đức Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Trung Tính

2/ Bà Đặng Thị Huệ Tú

3/ Bà Lê Thị Nhanh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quang Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1268/2025/HSST ngày 12/12/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7731/2025/QĐXXST-HS ngày 23/12/2025 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ**; giới tính: Nam; sinh ngày 05 tháng 3 năm 1993, tại: tỉnh P; nơi đăng ký thường trú: Tổ 2, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: 6 Đường số 6, Khu phố 4, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị P; bị cáo có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2024 (có mặt).

2/ Họ và tên: **Nguyễn Đức T**; giới tính: Nam; sinh ngày 11 tháng 11 năm 1997 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 36 Đường 359, Khu phố 21, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: F12 B8 Chung cư H, 403A Nguyễn Duy T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: Đại học; nghề nghiệp: Tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Đức T và bà Phạm Thị Thùy L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

+ **Bị hại:**

1/ Công ty Cổ phần Xây dựng S

Địa chỉ: 1 Nguyễn Thị Đ, phường C, Thành phố T, (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Thu P – Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty Cổ phần Xây dựng S: Ông Lê Ngọc N, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: 1 Nguyễn Thị Đ, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Giang Quỳnh C, sinh năm 1985

Địa chỉ: Chung cư J, 7 đường Đ, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thùy T1, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: F8 Chung cư H, 4 Nguyễn Duy T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Người bào chữa:

1/ Luật sư Nguyễn Văn T, Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ (có mặt).

2/ Luật sư Nguyễn T3 N, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ (có mặt).

3/ Luật sư Nguyễn Đắc Q, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/7/2022, qua tìm hiểu Nguyễn Văn Đ biết được Công ty Cổ phần xây dựng S (Công ty S) có triển khai dự án SR xây dựng chung cư tại địa chỉ Số 1 Nguyễn Thị Đ, phường C, Thành phố T, (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh nên Đ đến Công ty S ký Văn bản thỏa thuận, đặt cọc số tiền 739.077.693 đồng để mua căn hộ chung cư ký hiệu B.12,10 thuộc dự án SR. Sau đó, do không thấy Công ty S triển khai dự án nên Đ nhiều lần yêu cầu trả lại tiền, phía Công ty S hẹn Đ ngày 01/3/2024 đến Công ty để thỏa thuận việc thanh lý văn bản thỏa thuận trên.

Khoảng 09 giờ ngày 01/3/2024, Đ chuẩn bị sẵn 01 con dao dài khoảng 30cm và 01 con dao xếp dài khoảng 14cm bỏ vào trong túi xách đeo bên người rồi đi đến trụ sở Công ty S, địa chỉ Số 1 Nguyễn Thị Đ, phường C, Thành phố T, (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, Đ gặp chị Giang Quỳnh C và chị Phan Thu H là nhân viên Công ty S để thỏa thuận việc lấy lại tiền nhưng

hai bên không thống nhất được hướng giải quyết. Lúc này, chị Nguyễn Thùy T1 (vợ Đ) biết Đ đi đến Công ty S để giải quyết việc mua bán căn hộ nên đã gọi điện cho Nguyễn Đức T (em chị T1) đi cùng với T1 lên Công ty S đòi lại tiền đặt cọc, cùng lúc ông Phạm Đỗ H1 (cậu của T) đến nhà chơi nên T nhờ ông H1 chở đi cùng.

Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Đức T, chị Nguyễn Thùy T1 và ông Phạm Đỗ H1 đến Công ty. Khi đến thì T và chị T1 đi vào cùng với Đ để nói chuyện với phía công ty. Trong lúc nói chuyện, Đ đi ra phía sau chỗ chị C đang ngồi, lấy con dao từ trong túi xách, tay trái kẹp cổ, tay phải cầm dao kề dao vào cổ không chế, đe dọa giết chị C để yêu cầu Công ty S trả lại số tiền 739.077.693 đồng, đồng thời Đ đuổi chị H đi ra ngoài. Lúc này, nghe tiếng la lớn nên ông H1 chạy vào đứng trước cửa phòng khuyên Đ bỏ dao xuống nhưng không được, còn T thấy vậy gọi điện báo cho trực ban Công an phường C, thành phố T đến giải quyết do lo sợ sự việc xấu sẽ xảy ra. Lúc này, Đ liên tục đe dọa và yêu cầu chị C gọi điện thoại cho anh Giang Châu T3 (Tổng giám đốc công ty S) đến giải quyết, anh T3 hẹn 15 phút sẽ về Công ty. Do chờ không thấy anh T3 đến công ty nên T lấy ghế gỗ ném làm vỡ tivi treo tường, Đ tiếp tục đe dọa đòi giết chị C, đồng thời tiếp tục yêu cầu chị C gọi điện cho anh T3 để nói chuyện, nếu trong vòng 05 phút nếu không trả tiền sẽ giết chị C. Thấy vậy, T lớn tiếng hỏi kế toán của Công ty S là ai, đồng thời cầm ghế tiếp tục đập lên bàn làm vỡ 06 ly thủy tinh nhằm thúc ép Công ty S phải chuyển tiền ngay vào trong tài khoản cho Đ.

Sau khi nhận được tin báo, Công an phường C, thành phố T đi đến cùng với chị T1, ông H1 và T cùng thuyết phục Đ bỏ dao xuống, khi Đ bỏ dao xuống thì T lấy dao đem ra ngoài. Do chưa thấy công ty chuyển trả tiền nên Đ lấy 01 con dao xếp tiếp tục uy hiếp chị C yêu cầu Công ty S phải trả lại đủ số tiền thì Đ mới bỏ dao xuống. Do vậy, Nguyễn Thị Phong N, nhân viên văn phòng và chị Đinh Thị H2, kế toán của Công ty S đã chuyển khoản cho Đ ba lần với tổng số tiền 739.077.693 đồng vào tài khoản của Đ. Sau khi kiểm tra điện thoại đã nhận được số tiền 739.077.693 đồng trong tài khoản thì Đ bỏ dao xuống. Lúc này, Công an phường C, thành phố T tiến hành không chế đưa Đ và T về trụ sở làm rõ.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thủ Đức số 93/KV1/KLĐG-HĐĐGTS ngày 07/10/2024 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, kết luận: “01 tivi Led 47L 2450VN hiệu Toshiba, màu đen mua năm 2024; 06 ly thủy tinh màu trắng, bị vỡ thời điểm ngày 01/3/2024 có tổng trị giá 1,436.000 đồng”.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Đ khai mục đích đi đến Công ty S là để thỏa thuận thanh lý hợp đồng, khi đi Đ chuẩn bị sẵn 02 con dao, nếu không thỏa thuận được sẽ sử dụng đe dọa, uy hiếp nhân viên nhằm mục đích ép buộc phía Công ty S phải chuyển tiền cho Đ. T đi đến Công ty S là để hỗ trợ Đ lấy lại tiền cọc, khi thấy Đ kề dao vào cổ nhân viên Công ty S đe dọa thì T cầm ghế ném vỡ tivi và đập vỡ 06 ly thủy tinh nhằm mục

đích thúc ép Công ty S nhanh chóng chuyển tiền vào tài khoản cho Đ. Lời khai nhận của Đ và T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra thu thập được.

Vật chứng vụ án: 01 con dao dài khoảng 30cm, lưỡi dài 17cm, cán bằng gỗ dài 13cm, rộng 04cm; 01 con dao xếp dài khoảng 14cm, lưỡi dao dài 06cm, cán dao dài 08cm; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu đỏ; 01 xe gắn máy hiệu Honda Airblade, biển số 19G1-397.xx; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro, màu đen và 01 túi xách bằng da kích thước 20x25cm thu giữ của Nguyễn Văn Đ. 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, màu xanh và 01 điện thoại Iphone 6s thu giữ của Nguyễn Đức T. 01 tivi Led 47L 2450VN hiệu Toshiba, màu đen; 06 ly thủy tinh màu trắng, bị vỡ và 01 USB có 05 clip âm thanh ghi lại nội dung vụ việc.

Về phần dân sự: Công ty S không yêu cầu bồi thường tài sản bị hư hỏng gồm 01 tivi và 06 ly thủy tinh chỉ đề nghị trả lại cho Công ty số tiền 739.077.693 đồng trong tài khoản của Nguyễn Văn Đ mà hiện Cơ quan điều tra đang phong tỏa. Gia đình bị can Đ đã thỏa thuận bồi thường cho chị Giang Quỳnh C 10.000.000 đồng, hiện chị C không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 288/CT-VKS-P2 ngày 05/12/2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Đức T về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Đức T khai nhận hành vi như nội dung Cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố nêu quan điểm luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản áp dụng như nội dung bản Cáo trạng. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 12 đến 14 năm tù về tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 03 năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo về tội “Cướp tài sản”;

Giải quyết trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư Nguyễn Văn T bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ trình bày: Thống nhất về tội danh và điều khoản truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng

xét xử xem xét các tình tiết: Công ty Cổ phần xây dựng S luôn trì hoãn về việc khởi công xây dựng dự án dẫn đến việc bị cáo Đ bức xúc, công ty và bị cáo Đ có thoả thuận về việc thanh lý Văn bản thoả thuận trong vòng 3 tháng với lãi suất 6% nhưng sau đó công ty thay đổi lộ trình thanh toán trong 1 năm làm 5 lần và không có lãi suất, bị cáo không đồng ý và công ty hẹn làm việc vào ngày 01/3/2024 dẫn đến sự việc nêu trên. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện đề nghị trả lại tiền cho công ty và tác động gia đình bồi thường cho bà C, bà C đã làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có công với cách mạng, cha mẹ bị cáo tham gia kháng chiến được tặng thưởng huân, huy chương, chị bị cáo bị nhiễm chất độc hóa học, bị cáo có 2 con nhỏ, là lao động chính trong gia đình nuôi cha mẹ và 02 con, trường hợp này bị hại cũng có lỗi, bị cáo phạm tội trong trường hợp bị kích động mạnh về tinh thần. Bị có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử bị cáo mức án thấp nhất.

Luật sư Nguyễn T3 N bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ trình bày: Thống nhất về tội danh và điều khoản truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ hành vi của bị cáo thực hiện, bị không có mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác, dao bị cáo mang theo chỉ để gây áp lực đòi lại tiền của mình chứ không có mục đích đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khoẻ của ai, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp bị kích động do hành vi trì hoãn của công ty, số tiền chiếm đoạt đang bị phong toả, bà C không bị thiệt hại về thân thể, gia đình bị cáo đã bồi thường, bà C không yêu cầu gì thêm, không có hậu quả thực tế nào xảy ra, bị cáo phạm tội lần đầu, là con của thương binh, gia đình có công cách mạng, bị cáo là lao động chính trong gia đình, việc bị cáo bị tạm giam ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh tế của gia đình, bị cáo phạm tội do hoàn cảnh khó khăn mà không phải tự mình gây ra nên đề nghị áp dụng điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử bị cáo dưới khung hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T trình bày: Sự việc xảy ra vào ngày 01/3/2024 tại Văn phòng Công ty S, bị cáo T không phải do Đ mời đến, không tham gia bàn bạc với Đ việc thực hiện hành vi. Khi T và T1 đến thì bảo vệ công ty không cho vào gây bức xúc, do bức xúc với bảo vệ nên T mới có hành vi ném cái ghế. Khi công ty và anh Đ không thống nhất được phương án giải quyết và thấy Đ đang rất tức giận thì T xin số điện thoại của công an phường để mời công an đến, T cùng công an khuyên anh Đ bỏ dao xuống điều này thể hiện rất rõ T không đồng ý với cách hành xử của anh Đ và không có mục đích đe dọa lấy tiền của bị hại. Khi lãnh đạo công ty đồng ý trả tiền qua điện thoại của chị C, anh Đ và T nghe rất rõ, anh Đ buông dao và anh T mang dao ra ngoài nhưng do việc chuyển tiền của công ty chậm chạp dẫn đến anh Đ lấy tiếp con dao khác ra đe dọa nhưng việc đe dọa này chỉ nhằm dọa nạt thôi vì Đ dùng phần tù của dao kê vào cổ chị C và không gây thương tích. T không có mục đích, không đồng tình gì với việc chiếm đoạt tiền, công ty trả tiền không phải vì bị áp lực từ hành vi của T.

Vụ án có 2 bị can nhưng quyết định khởi tố vụ án và biên bản bắt người phạm tội quả tang chỉ đối với Nguyễn Văn Đ, nhưng sau đó khởi tố Nguyễn Đức T và kết luận điều tra với 2 bị can. Kết luận điều tra số 341 truy tố 1 bị can, còn 1 bị can thì đang chờ phê chuẩn nhưng sau đó Cáo trạng lại dùng kết luận điều tra này cùng với các kết luận điều tra bổ sung khác để xây dựng cáo trạng truy tố đối với các bị cáo là không phù hợp với quy định pháp luật. Bị cáo T ném ghế vỡ tivi vì bức xúc với bảo vệ, nhân viên công ty chứ không nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của bị hại và nhằm làm giảm áp lực hành vi của anh Đ. Sau khi công an phường C đến làm việc có kiểm tra văn phòng không có camera nhưng sau đó chị Mai T5 chuyển giao USB có 5 file, không xác định được ai là người quay 5 file âm thanh, hình ảnh đó. Bị cáo đã nhận thức hành vi của mình, công ty không yêu cầu bồi thường tivi bị vỡ nhưng nay bị cáo cũng tự nguyện bồi thường, bị cáo không đồng thuận với Đ về việc cướp tài sản nên chưa đủ căn cứ truy tố bị cáo ở khoản 4 Điều 168 Bộ luật hình sự nên phải trả điều tra bổ sung vì những vi phạm tố tụng.

Luật sư Lê Ngọc N bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công ty Cổ phần Xây dựng S trình bày: Các bị cáo cũng không có mong muốn gây thiệt hại cho ai chẳng qua bị cáo đã có sự lựa chọn sai lầm. Bị cáo đủ nhận thức, có sự chuẩn bị hung khí, đã có hành vi dùng dao kề cổ và chiếm đoạt được tài sản là đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, yếu tố lỗi của bị hại nếu có cũng không ảnh hưởng đến cấu thành tội phạm của bị cáo, đây là quan hệ dân sự, các bên có quyền thoả thuận với nhau để giải quyết tranh chấp, công ty đã đưa cho bị cáo các sự lựa chọn nhưng bị cáo đã không chọn mà lại lựa chọn con đường cực đoan dẫn đến ảnh hưởng cho cả bị cáo và công ty.

Công ty đồng ý xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo sớm về lại cộng đồng. Đối với trách nhiệm dân sự liên quan đến tivi và 6 ly thủy tinh không có yêu cầu bồi thường. Số tiền 739.077.693 đồng mà công ty đã chuyển vào tài khoản của bị cáo, Công ty đồng ý xem như bị cáo đã trả lại tiền cho công ty và công ty dùng số tiền này thanh toán cho bị cáo theo văn bản thoả thuận, công ty và bị cáo đã thanh toán xong đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị cáo T trình bày: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo vì tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi thì bị cáo chỉ có suy nghĩ lặp lại lời nói của ông Giang Châu T3 yêu cầu nhân viên chuyển tiền cho anh Đ, bị cáo không có ý kiến trả điều tra bổ sung lại.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ đồng ý với đề xuất của công ty về việc cản trừ số tiền trong tài khoản để thanh toán thoả thuận của bị cáo và công ty.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận:

Bị cáo Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ, Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đề nghị mức hình phạt dưới khung cho bị cáo Đ là phù hợp. Đối với đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ là không có căn cứ. Quá trình điều tra, truy tố

thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật. Bị cáo T khai nhận rất rõ, đập ghế vào bàn yêu cầu chuyển tiền, bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo Đ.

Luật sư Q trình bày: Bị cáo T nhận thức hành vi nên Luật sư tôn trọng ý kiến của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Các bên bảo lưu quan điểm đã trình bày.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm có cơ hội trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các Luật sư, các bị cáo, bị hại không khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Đức T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 09 giờ ngày 01/3/2024, tại địa chỉ Số 1 Nguyễn Thị Đ, phường C, Thành phố T, (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh, do có mâu thuẫn trong việc thỏa thuận thanh lý Văn bản thỏa thuận mua căn hộ chung cư giữa Nguyễn Văn Đ với Công ty Cổ phần xây dựng S (S) đã ký kết trước đó nên Đ đã có hành vi dùng dao kề vào cổ chị Giang Quỳnh C, là nhân viên Công ty S đe dọa, ép buộc phía Công ty S phải chuyển tổng số tiền 739.077.693 đồng. Nguyễn Đức T khi thấy Đ kề dao vào cổ uy hiếp chị C thì T dùng ghế ném vỡ tivi treo tường, đồng thời cầm ghế đập lên bàn làm vỡ 06 ly thủy tinh nhằm đe dọa, thúc ép phía Công ty S chuyển tiền vào trong tài khoản số 19030707900xxx mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, mang tên Nguyễn Văn Đ.

Với hành vi đó, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Đức T đã phạm vào tội “Cướp tài sản” thuộc trường hợp “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân

Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ.

[3] Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, gia đình các bị cáo đã thỏa thuận bồi thường cho chị Giang Quỳnh C số tiền 75.000.000 đồng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, gia đình bị cáo Nguyễn Văn Đ có công với cách mạng, ông Nguyễn Văn T (cha bị cáo Đ) là thương binh, được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, Kỷ niệm chương có công trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước; mẹ bị cáo là bà Hoàng Thị P có công với cách mạng được tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, em bị cáo hiện bị bệnh tật do nhiễm chất độc hóa học, bị cáo Đ hiện có 02 con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình; bị cáo Nguyễn Đức T gia đình có công với cách mạng, bà nội bị cáo được tặng Huân chương kháng chiến, Huy chương chiến thắng, cha bị cáo được tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang, Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng để xem xét áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Ngoài các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, cần xem xét trong vụ án này các bị cáo phạm tội mang tính bộc phát, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Khi lượng hình cần xem xét hoàn cảnh, nguyên nhân xảy ra vụ án xuất phát từ việc không thống nhất được nội dung thanh lý Văn bản thỏa thuận số 091/2022/VBTT/S ngày 28/7/2022 đã ký của Công ty và bị cáo Nguyễn Văn Đ về việc mua bán căn hộ tại dự án SR. Dự án kéo dài thời gian khởi công xây dựng do chưa có giấy phép xây dựng nên ngày 05/12/2023, Công ty và Đ có ký phụ lục 02 cam kết nếu quá 29/02/2024 mà dự án chưa khởi công thì công ty sẽ đồng ý thanh lý văn bản thỏa thuận và hoàn trả 739.077.693 đồng cho Đ kèm tiền lãi với lãi suất 6%/năm tính từ 01/7/2023 đến 29/02/2024 nhưng sau đó Công ty liên hệ qua zalo với bị cáo Đ đề nghị thay đổi thỏa thuận trả lại tiền cho bị cáo thành 5 đợt trong 12 tháng và không kèm lãi suất. Việc dự án kéo dài không khởi công và chậm trả lại tiền cọc dẫn đến bức xúc lâu ngày cho bị cáo, bị cáo mang theo dao đến Công ty làm việc ngày 01/3/2024 mục đích lấy lại đúng số tiền bị cáo đã chuyển cho Công ty theo thỏa thuận. Trong quá trình diễn ra vụ việc, đại diện công ty ông Giang Châu T3 qua điện thoại cũng đã chỉ đạo nhân viên chuyển tiền trả cho Đ cũng như khi Công an phường C đến hiện trường cũng đã yêu cầu nhân viên công ty chuyển trả tiền cho bị cáo; Số tiền chiếm đoạt đã được phong tỏa trong tài khoản để bồi thường cho bị hại, sau khi xảy ra sự việc gia đình bị cáo cũng chủ động liên hệ bồi thường cho bị hại Giang Quỳnh C thể hiện sự ăn năn hối cải và nhận thức được hành vi vi phạm của bị cáo.

Khi lượng hình ngoài xem xét áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự để phân hóa, quyết định hình phạt đối với các bị cáo theo nguyên tắc đồng phạm còn xem xét đến nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội, hậu quả vụ án cũng như ý thức chủ quan của các bị cáo để có mức án phù hợp, đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa

đối với các hành vi vi phạm pháp luật nhưng cũng thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo, tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa, làm lại cuộc đời.

Bị cáo Nguyễn Đức T là em vợ của Đ, đã có hành vi dùng ghế đập 02 cái lên bàn tạo áp lực cho Công ty S chuyển tiền vào tài khoản của Đ do bức xúc nhân viên Công ty trì hoãn việc chuyển trả tiền cho Đ khi ông Giang Châu T3 là Tổng giám đốc công ty đã yêu cầu chuyển trả tiền. Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T mang tính bộc phát nhất thời vì trước đó khi thấy Đ cầm dao uy hiếp chị C chính T là người đã điện thoại báo công an phường C, thành phố T đến làm việc và tham gia vào việc thuyết phục Đ bỏ dao xuống, khi Đ bỏ dao đầu tiên xuống thì bị cáo T là người mang con dao ra khỏi phòng, không chứng kiến sự việc tiếp theo. Hành vi của bị cáo đã chấm dứt trước khi bị hại chuyển tiền vào tài khoản của Đ, phạm tội với vai trò giúp sức không đáng kể cho bị cáo Đ nên xem xét áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự khi lượng hình đối với bị cáo. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, phạm tội với vai trò giúp sức không đáng kể, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian được tại ngoại bị cáo chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bị cáo không thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và xác thực văn bản hợp nhất số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân tối cao nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự để cho bị cáo hưởng án treo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa.

[4] Trách nhiệm dân sự:

Đại diện theo ủy quyền của Công ty S không yêu cầu bồi thường tài sản bị hư hỏng gồm 01 tivi và 06 ly thủy tinh nên không xem xét giải quyết.

Số tiền Công ty Cổ phần Xây dựng S đã chuyển vào tài khoản của bị cáo Nguyễn Văn Đ đang bị phong tỏa, Công ty đồng ý trả cho bị cáo Đ số tiền 739.077.693 đồng để chấm dứt Văn bản thỏa thuận số 091/2022/VBTT/S ngày 28/7/2022 đã ký của Công ty và bị cáo Đ. Đề nghị huỷ bỏ phong tỏa tài khoản đối với số tiền trên. Bị cáo Đ đồng ý với đề nghị của Công ty nên ghi nhận.

Đồng thời theo đơn đề ngày 09/01/2026 của bà Giang Quỳnh C thì gia đình bị cáo Đ, T đã thỏa thuận bồi thường cho bà Giang Quỳnh C số tiền 75.000.000 đồng, hiện bà C không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[5] Các vấn đề khác:

Đối với hành vi dùng ghế đập vỡ tivi treo tường và 06 ly thủy tinh của Công ty S do Nguyễn Đức T thực hiện, qua định giá tài sản chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý T về hành vi hủy hoại tài sản là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Thùy T1 và Phạm Đỗ H1, quá trình điều tra xác định T1 và H1 không tham gia cùng với Đ và T trong việc đe dọa chị C để ép buộc Công ty S chuyển tiền nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

N nhân dẫn đến vụ án xuất phát từ Văn bản thoả thuận giữa Công ty S và bị cáo Nguyễn Văn Đ để đặt cọc mua căn hộ dự án SR nhưng Công ty chậm triển khai do chưa có giấy phép xây dựng. Để tránh sự việc tương tự và tình trạng khiếu kiện cần xem xét lại pháp lý của dự án SR và trách nhiệm của các bên liên quan (nếu có) theo quy định pháp luật.

[6] Xử lý vật chứng:

- Đối với xe máy, điện thoại thu giữ của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

- Đối với Tivi hiệu Toshiba của Công ty S hiện hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, công ty không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với vật chứng còn lại không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 7; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản”; Thời hạn tù tính từ ngày 01/3/2024.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 7; khoản 2 Điều 54; Điều 65; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo về tội “Cướp tài sản”; Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Đức T cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh để quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự thỏa thuận của Công ty Cổ phần Xây dựng S và bị cáo Nguyễn Văn Đ về việc Công ty đồng ý cân trừ số tiền 739.077.693 (bảy trăm ba mươi chín triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn sáu trăm chín mươi ba) đồng đang được phong tỏa trong tài khoản của bị cáo Nguyễn Văn Đ để chấm dứt Văn bản thỏa thuận số 091/2022/VBTT/S ngày 28/7/2022 giữa Công ty và bị cáo Đ. Bị cáo Nguyễn Văn Đ đã bồi thường xong và Văn bản thỏa thuận số 091/2022/VBTT/S ngày 28/7/2022 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng S và bị cáo Nguyễn Văn Đ chấm dứt hiệu lực.

Hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số 642/LPT-ĐTTH ngày 01/3/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

+Xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu đỏ (không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện); 01 xe gắn máy hiệu Honda, số loại Airblade, dung tích xylanh: 124cm³ biển số 19G1-397.xx, số khung: RLHJF632XKZ178452, số máy: JF63E2613683 (không gương, dàn nhựa bể không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro, màu đen (thực nhận 01 ĐTDĐ kiểu Iphone màu đen, imei khay sim: ...456702, không kiểm tra đời máy, imei do không có nguồn điện).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức T: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, màu xanh, (thực nhận 01 ĐTDĐ kiểu Iphone màu xanh, không kiểm tra đời máy, imei do không có nguồn điện); 01 điện thoại Iphone 6s (màu vàng, móp trầy, không kiểm tra đời máy, imei do không có nguồn điện).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 con dài khoảng 30cm, lưỡi dài 17 cm, cán bằng gỗ dài 13cm, rộng 04cm; 01 con dao xếp dài khoảng 14cm, lưỡi dao dài 06 cm, cán dao dài 08 cm; 01 túi xách bằng da kích thước 20 x 25cm; 01 Tivi Led 47L 2450VN hiệu Toshiba màu đen (màn hình bể nát); 06 ly thủy tinh màu trắng, bị vỡ.

Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2026/228 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét pháp lý của dự án SR và trách nhiệm của các bên liên quan (nếu có) theo quy định pháp luật.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 (sau đây gọi tắt là Luật thi hành án dân sự) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a,

Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đã giải thích chế định án treo.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Phòng PV06 - Công an TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (2)
- Đường sự; Luật sư; (7)
- Trại giam; (1)
- THA Dân sự TP.HCM; (1)
- THA Hình sự; (2)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (30) (9)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Lâm